TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC B **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: **1007**/2025/DS-ST
Ngày: 24/9/2025.
V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC B, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị T.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thế C.

2. Bà Lê Ngọc Như C.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Phạm Thị N - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực B, Thành phố Hồ Chí Minh*: Bà Đỗ Thị Anh Đ - Kiểm sát viên.

Ngày 24/9/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực B, Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 240/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 381/2025/QĐXXST-DS ngày 29/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 303/2025/QĐST-DS ngày 16/9/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phan Thị C, sinh năm 1963.

** Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Trần Hồng Y, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Số B1/1 Ấp 50, xã Tân N, Thành phố M.

- *Bị đơn*:

1. Bà Đoàn Huỳnh Ngọc O, sinh năm 1978.

** Người đại diện theo ủy quyền:*

Ông Nguyễn Đoàn Thành Đ, sinh năm 1998.

Cùng địa chỉ: Số 279-281 Đường Phạm Văn C, phường Bình T, Thành phố M.

2. Ông Nguyễn Thành H, sinh năm 1978.

Địa chỉ đăng ký thường trú: E7/23 ấp 5, xã Lê Minh X, huyện BC (nay là xã Bình L), Thành phố M.

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Xuân L, tỉnh Đồng N.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Hồng Đ, sinh năm 1982;

2. Bà Trần Hồng Y, sinh năm 1983;

3. Bà Trần Hồng N, sinh năm 1983;

4. Bà Trần Thị Hồng L, sinh năm 1988;

5. Ông Trần Hồng P, sinh năm 1994.

** Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Hồng Y, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Số B1/1 Ấp 50, xã Tân N, Thành phố M.

Ông Nguyễn Thành H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bà Trần Hồng Y và ông Nguyễn Đoàn Thành Đ có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; các Bản tự khai; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn là bà Phan Thị C thông qua người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 23/09/2009, ông Trần Hồng M (chồng bà Phan Thị C) có cho vợ chồng ông Nguyễn Thành H và bà Đoàn Huỳnh Ngọc O vay số tiền mặt là 1.064.000.000 đồng (Một tỷ không trăm sáu mươi bốn triệu đồng) và 20 lượng vàng SJC. Mục đích ông H và bà O vay mượn số tiền và vàng trên là để đầu tư cá nhân, hai bên có lập Giấy nợ ngày 23/09/2009, Bản cam kết ngày 23/09/2009 và bản cam kết ngày 30/08/2019 do ông H và bà O trực tiếp viết và ký tên. Trên đó thể hiện, thời hạn vay mượn tiền là 03 tháng kể từ 23/09/2009 đến ngày 23/12/2009.

Ông M đã giao tiền mặt và vàng đầy đủ cho vợ chồng ông H và bà O, được thể hiện qua 02 bản cam kết.

Sau thời hạn 03 tháng như thỏa thuận, vợ chồng ông H và bà O vẫn chưa thanh toán cho ông M, bà C số tiền đã vay mượn.

Ông M, bà C đã nhiều lần tìm đến nhà để đòi lại số tiền và vàng trên nhưng ông H và bà O liên tục chuyển chỗ ở, liên tục né tránh nghĩa vụ trả nợ.

Đến ngày 30/08/2019, bà Đoàn Huỳnh Ngọc O đã viết bản cam kết với ông M, bà C về việc cam kết sẽ trả toàn bộ tiền và vàng đã vay mượn qua 02 lần thanh toán:

+ Trả tiền mặt vào ngày 30/10/2019 số tiền là 1.064.000.000 đồng (Một tỷ không trăm sáu mươi bốn triệu đồng)

+ Trả vàng vào ngày 30/12/2019 số vàng là 20 lượng vàng SJC.

Ông M, bà C đã đồng ý và chờ đợi ông H, bà O thực hiện theo cam kết của mình.

Ngày 06/9/2019, ông Trần Hồng M chết không để lại di chúc.

Đến nay đã qua nhiều năm, bà C rất nhiều lần liên hệ và tìm gặp để đòi lại số tiền và vàng trên nhưng đến nay ông H và bà O không đồng ý thanh toán khoản tiền trên.

Do đó, bà Phan Thị C đã khởi kiện, yêu cầu Toà án nhân dân Quận S (nay là Toà án nhân dân Khu vực B), Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc ông Nguyễn Thành H và bà Đoàn Huỳnh Ngọc O liên đới hoàn trả cho bà Phan Thị C và các đồng thừa kế của ông M (Trần Hồng Y, Trần Hồng Đ, Trần Hồng N, Trần Thị Hồng L và Trần Hồng P) một lần toàn bộ số tiền mặt là 1.064.000.000 đồng và 20 lượng vàng SJC tương đương 2.340.000.000 đồng, quy đổi theo giá vàng SJC ngày 02/6/2025 là 117.000.000 đồng/lượng;

Buộc ông Nguyễn Thành H và bà Đoàn Huỳnh Ngọc O liên đới hoàn trả cho bà Phan Thị C lãi suất của số tiền nợ theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 30/12/2019 đến ngày 30/5/2025 là 576.333.330 đồng.

Tổng số tiền ông Nguyễn Thành H và bà Đoàn Huỳnh Ngọc O phải thanh toán là 3.980.333.330 đồng.

**** Theo bản tự khai ngày 13/8/2025, bị đơn là ông Nguyễn Thành H trình bày:***

Ngày 23/9/2009 ông có vay của ông Trần Hồng M tổng số tiền 1.064.000.000 đồng và 20 nhẫn vàng SJC, nhưng số tiền ghi trong giấy nợ là chính xác bao nhiêu thì ông không nhớ vì ông có vay nhiều lần với ông M đến khi hai bên tổng kết nợ bằng giấy viết tay. Tuy nhiên, ông thừa nhận chữ ký của ông trong giấy nợ mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án, chữ ký trong bản cam kết ngày 23/9/2009 đúng là chữ ký của ông. Nhưng nội dung cam kết không đúng vì bản thân ông xác định được số tiền ghi trong giấy cam kết là không đúng. Ông cũng không hiểu nội dung bản cam kết này từ đâu mà có chữ ký của ông vì thực tế ông không có cam kết như vậy. Đối với nội dung trong giấy nợ do ông M tự viết sau khi ông đã ký vào tờ giấy trống.

Sau khi vay tiền của ông M thì ông đã trả hết cho ông M nên hiện nay không còn nợ khoản tiền nào của ông M và bà C. Việc trả tiền cho ông M ông có viết giấy biên nhận. Trả tiền qua người liên hệ của ông M, là ông Nguyễn Đình Q, hình thức khấu trừ tài sản bằng xe ô tô và xe tải, mọi thông tin ông trình bày, ông xin hoàn tất bổ túc sau cho Tòa án. Hiện nay ông không nhớ chi tiết sự việc, ông sẽ cung cấp cho Tòa án đến ngày 29/8/2025. Lý do hiện bà C giữ giấy nợ giữa ông và ông M là do sau khi ông trả tiền xong ông không lấy lại giấy nợ gốc.

Do đó, nay ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị C tại Tòa án nhân dân Khu vực B, Thành phố Hồ Chí Minh về việc yêu cầu ông trả khoản nợ cho ông M ngày 23/9/2009. Ngoài ra ông không có ý kiến gì khác.

**** Bị đơn là bà Đoàn Huỳnh Ngọc O do ông Nguyễn Đoàn Thành Đ đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Do có mối quan hệ thân tình nên ông H đã thông qua ông Nguyễn Đình Q có thực hiện việc vay mượn tiền với ông Trần Hồng M là chồng của bà Phan Thị C. Trong thời gian thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì giữa ông H và ông Q có phát sinh tranh chấp nên ông Q làm đơn khởi kiện ông H tại Tòa án nhân dân huyện BC (cũ). Trong bản án đã tuyên, ông H có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ cho ông Q và ông M, trong quá trình thi hành án, ông H đã thực hiện việc thanh toán nợ đầy đủ cho ông M và ông Q bằng tiền và các vật có giá trị quy đổi bằng tiền tại Chi cục Thi hành án huyện BC (cũ). Do thời gian xảy ra sự việc quá lâu và hiện tại ông H đang chấp hành án tại trại Xuân L nên bà O không cung cấp được bản án của Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh cho Tòa án nhân dân Khu vực B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà O cũng không nhớ số bản án và ngày phát hành bản án nêu trên nên cũng không xin cấp trích lục được.

Do toàn bộ hồ sơ liên quan đến các khoản vay của ông H đã bị cơ quan Công an điều tra tỉnh PY thu giữ trong quá trình khám xét nhà liên quan đến vụ án hình sự khác nên bà O không cung cấp được cho Tòa án trong phiên họp công khai chứng cứ, bà O cam kết sẽ cung cấp cho Tòa án tại phiên tòa sơ thẩm.

Số tiền ông H vay ông M thì bà O không biết và không sử dụng số tiền vay, nhưng năm 2019 gia đình bà C đến gặp bà O gây áp lực về tinh thần buộc bà O ký giấy cam kết trả nợ nên bà O phải ký giấy cam kết. Bà O thừa nhận chữ viết, chữ ký là của bà O, nội dung giấy cam kết do con bà C đọc cho bà O viết.

Do đó, bà O không thừa nhận nợ, không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì thực tế ông H đã trả nợ cho ông M đầy đủ.

Đối với thông tin cụ thể của ông Nguyễn Đình Q hiện nay thì ông và bà O đều không biết ông Q cư trú ở đâu, không biết số căn cước của ông Q nên không cung cấp cho Tòa án thông tin cụ thể của ông Q được.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Trần Hồng Đ, bà Trần Hồng Y, bà Trần Hồng N, bà Trần Thị Hồng L, ông Trần Hồng P do bà Trần Hồng Y đại diện ủy quyền trình bày:***

Vào ngày 23/09/2009, ông Trần Hồng M có cho vợ chồng ông Nguyễn Thành H và bà Đoàn Huỳnh Ngọc O vay mượn số tiền mặt là 1.064.000.000 đồng (Một tỷ không trăm sáu mươi bốn triệu đồng) và 20 lượng vàng SJC. Mục đích ông H và bà O vay mượn số tiền và vàng trên là để đầu tư cá nhân, hai bên có lập Giấy nợ ngày 23/09/2009, Bản cam kết ngày 23/09/2009 và bản cam kết ngày 30/08/2019 viết tay do ông H và bà O trực tiếp viết và ký tên. Trên đó thể hiện, thời hạn vay mượn tiền là 03 tháng kể từ 23/09/2009 đến ngày 23/12/2009.

Ngày 06/9/2019, ông Trần Hồng M chết không để lại di chúc.

Toàn bộ tài sản cho ông H, bà O vay nêu trên là tài sản của ông Trần Hồng M và bà Phan Thị C trong thời kỳ hôn nhân.

Ông Trần Hồng M và bà Phan Thị C có 05 người con, gồm: Trần Hồng Đ, sinh năm 1982; Trần Hồng Y, sinh năm 1983; Trần Hồng N, sinh năm 1983; Trần Thị Hồng L, sinh năm 1988; Trần Hồng P, sinh năm 1994.

Nay bà và ông Trần Hồng Đ, bà Trần Hồng N, bà Trần Thị Hồng L, ông Trần Hồng P là những người thừa kế hợp pháp của ông Trần Hồng M. Ngoài ra, ông M không còn cha mẹ ruột, không có cha mẹ nuôi, không có con nuôi, không có con ngoài giá thú.

Do đó, nay bà và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án yêu cầu Toà án nhân dân Khu vực B, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc ông Nguyễn Thành H và bà Đoàn Huỳnh Ngọc O liên đới hoàn trả cho bà Phan Thị C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan một lần toàn bộ số tiền mặt là 1.064.000.000 đồng và 20 lượng vàng nhẫn 9999 hiệu SJC quy đổi theo giá vàng SJC tại thời điểm xét xử sơ thẩm.

- Buộc ông Nguyễn Thành H và bà Đoàn Huỳnh Ngọc O liên đới thanh toán cho bà Phan Thị C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan lãi suất chậm trả của số tiền nợ 1.064.000.000 đồng là 10%/năm theo quy định của pháp luật, tính từ ngày 30/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Toàn bộ số tiền nợ nêu trên là tài sản của ông Trần Hồng M và bà Phan Thị C tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Vì vậy, đề nghị Tòa án tuyên trả chung cho bà Phan Thị C và các con ông M là Trần Hồng Y, Trần Hồng Đ, Trần Hồng N, Trần Thị Hồng L và Trần Hồng P. Sau đó, các đồng thừa kế của ông M sẽ tự giải quyết với nhau về di sản thừa kế, không yêu cầu Tòa án giải quyết về thừa kế tài sản của ông Trần Hồng M trong vụ án này.

Ngoài ra, bà không còn ý kiến gì khác.

** Tại phiên tòa:*

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trần Hồng Y trình bày:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về số tiền nợ gốc là 1.064.000.000 đồng và số vàng là 20 lượng vàng 9999 hiệu SJC, loại vàng nhẫn.

Nay xin bổ sung số tiền nợ lãi chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm và tổng trị giá vàng theo giá niêm yết tại thời điểm xét xử (24/9/2025). Cụ thể như sau:

+ Đối với tiền lãi chậm trả tiền là: (1.064.000.000 đồng x 10%/365 ngày) x 05 năm 10 tháng 25 ngày = 627.954.000 đồng.

+ Đối với trị giá vàng, khi ông M cho ông H, bà O vay là 20 lượng vàng 9999 hiệu SJC, loại vàng miếng. Nhưng khi lập giấy nợ thì không ghi rõ loại vàng. Hiện nay, giá vàng miếng cao hơn giá vàng nhẫn nên bà đồng ý tính theo

giá vàng nhẫn, theo giá vàng được niêm yết trên trang thông tin điện tử của Công ty vàng bạc đá quý SJC, tại thời điểm xét xử là 131.500.000 đồng/lượng, tính được là 2.630.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà còn là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà cũng thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn, không thay đổi, bổ sung gì thêm. Cụ thể:

Buộc ông Nguyễn Thành H và bà Đoàn Huỳnh Ngọc O liên đới hoàn trả cho bà Phan Thị C và các con ông M (Trần Hồng Y, Trần Hồng Đ, Trần Hồng N, Trần Thị Hồng L, Trần Hồng P) một lần tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 24/9/2025 là: 4.321.954.000 đồng. Gồm các khoản: Tiền nợ gốc là 1.064.000.000 đồng, nợ lãi là 627.954.000 đồng và trị giá nợ vàng là 2.630.000.000 đồng.

Toàn bộ số tiền nợ nêu trên là tài sản của ông Trần Hồng M và bà Phan Thị C tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Vì vậy, đề nghị Tòa án tuyên trả chung cho bà Phan Thị C và các con ông M là Trần Hồng Y, Trần Hồng Đ, Trần Hồng N, Trần Thị Hồng L và Trần Hồng P. Sau đó, các đồng thừa kế của ông M sẽ tự giải quyết với nhau về di sản thừa kế, không yêu cầu Tòa án giải quyết về thừa kế tài sản của ông Trần Hồng M trong vụ án này.

- Người đại diện hợp pháp của bà Đoàn Huỳnh Ngọc O là ông Nguyễn Đoàn Thành Đ trình bày:

Ông giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Bà Đoàn Huỳnh Ngọc O không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì ông Nguyễn Thành H đã thanh toán đầy đủ tiền nợ cho ông Trần Hồng M theo bản án của Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2007. Đối với giấy cam kết mà bà O viết năm 2019 là do bị gia đình ông M, bà C ép phải viết và ký nhận, không phải do bà O tự nguyện. Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bà O chưa thu thập được chứng cứ về việc đã thanh toán tiền nợ cho ông M để giao nộp cho Tòa án, nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn là ông Nguyễn Thành H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực B phát biểu ý kiến:*

- *Về tố tụng*:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, đúng thành phần và không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc thay đổi người tiến hành tố tụng theo quy định tại các Điều 52, 53, 54 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Thư ký tiến hành các thủ tục trước khi khai mạc phiên tòa đúng quy định tại Điều 51, 237 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và người đại diện ủy quyền chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn và người đại diện ủy quyền đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về nội dung*:

Căn cứ Điều 26; Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 210, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực B, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền gốc và tiền lãi phát sinh đối với khoản vay theo Giấy nợ ngày 23/09/2009. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ: Số 279-281 Đường Phạm Văn C, phường Bình T, Thành phố M.

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận S (nay là Tòa án nhân dân Khu vực B), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là ông Nguyễn Thành H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thành H.

[2] Về nội dung:

2.1. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ là 1.064.000.000 đồng và 20 lượng vàng nhẫn 9999 hiệu SJC, thấy rằng:

Trong quá trình giải quyết, bị đơn là ông Nguyễn Thành H thừa nhận có vay của ông Trần Hồng M (chồng bà Phan Thị C) số tiền 1.064.000.000 đồng và 20 lượng vàng 9999 hiệu SJC. Việc vay tiền có lập văn bản ngày 23/9/2009; Bị đơn thừa nhận chữ ký của bị đơn trong các văn bản: Giấy nợ ngày 23/9/2009, Bản cam kết ngày 23/09/2009 là đúng.

Bà Đoàn Huỳnh Ngọc O thông qua người đại diện theo ủy quyền cho rằng, bà không biết số tiền ông Nguyễn Thành H vay và không được sử dụng chung số tiền vay nhưng thừa nhận chữ ký của của bà trong các văn bản: Giấy nợ ngày 23/9/2009, Bản cam kết ngày 23/09/2009 ký nhận cùng với ông Nguyễn Thành H. Ngoài ra, bà O cũng thừa nhận chữ viết và chữ ký của bà trong giấy cam kết trả nợ ngày 30/8/2019 là đúng nên toàn bộ số nợ được xác định là nợ chung của vợ chồng ông H, bà O.

Nhưng ông Nguyễn Thành H và bà Đoàn Huỳnh Ngọc O không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, với lý do: Sau khi vay tiền của ông Trần Hồng M thì ông H đã thanh toán đầy đủ số nợ nêu trên cho ông M. Tuy nhiên, ông H và bà O không cung cấp được chứng cứ chứng minh về việc đã thanh toán tiền nợ cho ông Trần Hồng M;

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của bà Đoàn Huỳnh Ngọc O xác định: Toàn bộ số tiền nợ giữa ông H và ông M đã được Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật từ năm 2007. Nhưng bà O và ông H không cung cấp cho Tòa án bản án giải quyết tranh chấp đối với số tiền nợ nêu trên giữa ông H với ông M như lời trình bày của đại diện bị đơn, cũng không cung cấp được số bản án và ngày ban hành bản án của Tòa án đã xét xử tranh chấp giữa ông H và ông M.

Mặt khác, Giấy nhận nợ giữa ông H, bà O và ông M ghi ngày 23/9/2009, đến ngày 30/8/2019, chính bà O cũng viết và ký giấy cam kết trả toàn bộ số nợ 1.064.000.000 đồng và 20 lượng vàng SJC cho ông Trần Hồng M. Như vậy, nếu có bản án giải quyết tranh chấp giữa ông M và ông H vào năm 2007 như lời trình bày của đương sự, thì cũng trước thời điểm ông H vay số tiền nêu trên của ông M, nên không chứng minh được số tiền ông H, bà O vay của ông M vào ngày 23/9/2009 đã được giải quyết tại Tòa án nhân dân huyện BC. Do đó, lời trình bày của các bị đơn không có cơ sở xem xét.

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Thành H và bà Đoàn Huỳnh Ngọc O thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc là 1.064.000.000 đồng và 20 lượng vàng 9999 hiệu SJC, loại vàng nhẫn trơn (quy đổi theo giá vàng SJC ngày 24/9/29025), thành tiền là 2.630.000.000 đồng.

2.2. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm trả của số tiền nợ 1.064.000.000 đồng:

Theo Giấy nợ ngày 23/9/2009, Bản cam kết ngày 23/09/2009 thì thời hạn trả nợ là 03 tháng kể từ ngày vay. Sau đó các bên thỏa thuận kéo dài thời hạn trả nợ đến ngày 30/10/2019. Nhưng quá thời hạn cam kết mà các bị đơn không thanh toán nợ đúng hạn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

Tiền lãi chậm thanh toán được tính từ ngày 30/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (24/9/2025), cụ thể: (1.064.000.000 đồng x 10%/12 tháng) x 70 tháng 25 ngày = 627.954.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và lãi ông Nguyễn Thành H và bà Đoàn Huỳnh Ngọc O phải thanh toán cho nguyên đơn là 1.691.954.000 đồng và 20 lượng vàng 9999 hiệu SJC trị giá thành tiền là 2.630.000.000 đồng.

2.3. Xét yêu cầu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc buộc các bị đơn trả toàn bộ số nợ cho bà Phan Thị C cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các con của ông Trần Hồng M:

Toàn bộ số tiền ông H, bà O có nghĩa vụ phải trả nêu trên là tài sản của ông Trần Hồng M và bà Phan Thị C tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Ông Trần Hồng M chết ngày 06/9/2019, không để lại di chúc;

Ông Trần Hồng M và bà Phan Thị C có 05 người con, gồm: Trần Hồng Đ, sinh năm 1982; Trần Hồng Y, sinh năm 1983; Trần Hồng N, sinh năm 1983; Trần Thị Hồng L, sinh năm 1988; Trần Hồng P, sinh năm 1994.

Như vậy, bà C, bà Trần Hồng Y, ông Trần Hồng Đ, bà Trần Hồng N, bà Trần Thị Hồng L, ông Trần Hồng P là những người thừa kế hợp pháp của ông Trần Hồng M nên được xác định là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Hồng M.

Do đó, cần buộc ông Nguyễn Thành H và bà Đoành Huỳnh Ngọc O cùng có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn là bà Phan Thị C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Hồng Y, ông Trần Hồng Đ, bà Trần Hồng N, bà Trần Thị Hồng L, ông Trần Hồng P tổng số tiền nợ là 1.691.954.000 đồng và 20 lượng vàng 9999 hiệu SJC, trị giá thành tiền là 2.630.000.000 đồng. Tổng cộng: 4.321.954.000 đồng.

[3.] Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thành H và bà Đoàn Huỳnh Ngọc O có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, được tính như sau:

- Đối với nghĩa vụ trả tiền, án phí là 62.758.620 đồng;

- Đối với nghĩa vụ trả vàng, án phí là 84.600.000 đồng.

Tổng cộng, ông H, bà O có nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 147.358.620 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 48, Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị C đối với ông Nguyễn Thành H và bà Đoàn Huỳnh Ngọc O.

Buộc ông Nguyễn Thành H và bà Đoàn Huỳnh Ngọc O cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà bà Phan Thị C và bà Trần Hồng Y, ông Trần Hồng Đ, bà Trần Hồng N, bà Trần Thị Hồng L, ông Trần Hồng P tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 24/9/2025 là **4.321.954.000 đồng (Bốn tỉ ba trăm hai mươi mốt triệu chín trăm năm mươi tư ngàn đồng),** gồm các khoản: Nợ gốc 1.064.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 24/9/2025 là 627.954.000 đồng và 20 lượng vàng 9999 hiệu SJC, loại nhẫn trơn, quy đổi theo giá vàng ngày 24/9/2025, thành tiền là 2.630.000.000 đồng, theo Giấy nợ ngày 23/09/2009.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Phan Thị C, bà Trần Hồng Y, ông Trần Hồng Đ, bà Trần Hồng N, bà Trần Thị Hồng L, ông Trần Hồng P có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Thành H và bà Đoàn Huỳnh Ngọc O còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thành H và bà Đoàn Huỳnh Ngọc O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như sau:

- Đối với nghĩa vụ trả tiền, án phí là 62.758.620 đồng;

- Đối với nghĩa vụ trả vàng, án phí là 84.600.000 đồng.

Tổng cộng, ông H, bà O có nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **147.358.620 đồng (Một trăm bốn mươi bảy triệu ba trăm năm mươi tám ngàn sáu trăm hai mươi đồng).**

Bà Phan Thị C thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn đóng tạm ứng án phí nên không phải đóng tạm ứng án phí.

3. Bà Phan Thị C, bà Trần Hồng Y, ông Trần Hồng Đ, bà Trần Hồng N, bà Trần Thị Hồng L, ông Trần Hồng P, bà Đoàn Huỳnh Ngọc O có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Thành H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND Khu vực B (2);
- Phòng THADS Khu vực B (1);
- Thi hành án dân sự Tp.HCM (1);
- Các đương sự (4);
- Lưu VP (3), HSVA (2);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị T